

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-ST
Ngày 12 - 7- 2022
“V/v tranh chấp hợp đồng góp hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ngư

Ông Lâm Ngọc Hà

-Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 11 và ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2022/TLST-DS, ngày 25 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng góp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-DS ngày 16 ngày 5 tháng 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ph, năm sinh 19xx (có mặt)

Địa chỉ: ấp A1, xã HĐK, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn: 1. Ông Quách Kim Q, sinh năm 19xx (có mặt)

2. Bà Chung Thảo Nguyên, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A1, xã HĐK, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 01 năm 2022 của nguyên đơn là bà Lê Thị Ph và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đều trình bày:

Bị đơn là ông Quách Kim Q và vợ là bà Chung Thảo Ng là chủ đầu thảo hội góp vốn làm ăn, có 21 hội viên tham gia, 31 chân hội (phần), mở hội ngày 20 tháng 02 năm 2020 (âm lịch) hội 3.000.000 đồng, ai kêu ca người đó được

hót hụi, nếu hụi viên đã hót hụi sẽ đóng hụi chết là 3.000.000 đồng cho đến khi năm hụi. Khi tham gia chơi hụi bị đơn Ng tự đưa ra danh sách là bảng phô tô đã cung cấp cho Tòa, nếu ai đã hót hụi thì chủ hụi (hay còn gọi là đầu thảo) hay hụi viên tự ghi vào tờ giấy có tên từng hụi viên mà bị đơn đã đưa.

Các hụi viên tham gia góp hụi không có hợp mặt chủ yếu là thông qua đầu thảo. Nếu ai kêu ca người đó được hót và đầu thảo được hưởng hoa hồng của lần hót hụi đó là 1.500.000 đồng/lần hót/1 hụi viên/1 chân.

Tổng số tiền vốn nguyên đơn đã đóng cho các bị đơn của chân hụi này là 16 lần, trong đó bị đơn Ng đi gom 06 lần đầu tiên và 10 lần sau là bị đơn Q đi gom tiền hụi. Tiền vốn nguyên đơn đã đóng là 32.000.000 đồng nếu nguyên đơn được hót thì tiền vốn và tiền lời của lần hót sẽ được là 48.000.000 đồng (tức là đến ngày bể hụi). Nhưng tháng 4 năm 2021 (âm lịch) bị đơn Q và bị đơn Ng tuyên bố bể hụi, bị đơn Q đã ghi giấy nợ hụi (tức là số tiền mà nguyên đơn đã đóng) là 32.000.000 đồng, ông Q hứa trả trong 03 tháng cụ thể: Tháng 7 năm 2021 (âm lịch) trả 10.000.000 đồng, tháng 8 năm 2021 (âm lịch) trả 10.000.000 đồng và tháng 9 năm 2021 (âm lịch) trả 12.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn Q không trả nợ như đã hẹn mà bị đơn Ng có trả được 03 tháng (03 lần) tổng cộng là 9.000.000 đồng, kể từ đó đến nay các bị đơn không trả tiền vốn lại cho nguyên đơn như đã cam kết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ph yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn Quách Kim Q và vợ là bị đơn Chung Thảo Ng phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho nguyên đơn số tiền vốn hiện tại còn nợ lại là 23.000.000 đồng mà các bị đơn đã nhận tiền góp hụi sống của nguyên đơn.

* Tại Biên bản hòa giải ngày 23 tháng 3 năm 2022 và tại phiên tòa bị đơn là ông Quách Kim Q đều trình bày:

Bị đơn Quách Kim Q thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn Ph về thời gian mở hụi, 21 hụi viên tham gia trong đó chủ hụi cũng có tham gia 01 chân, tổng cộng là 31 phần (chân). Chân hụi được mở trên tinh thần tin tưởng nhau, không có làm văn bản hay hợp hụi viên mà chỉ có phô tô danh sách hụi viên do bị đơn Q theo dõi và ghi lại sau đó lập lại một danh sách và phô tô cho các hụi viên tham gia mỗi người một bản. Đây là hụi kêu, một tháng kêu một lần, ai kêu ca người đó được hót hụi. Chân hụi này do bị đơn làm chủ hụi, danh sách hụi viên được ông tự lập và phô tô cho mỗi người một bản, ai hót hụi bị đơn Q tự ghi ngày hót, có khi hụi viên tự ghi. Hụi này đã ngưng vào ngày 20 tháng 3 năm 2021 (âm lịch) thì tất cả tay em đã đề nghị ngưng có ai hai chân hụi thì họ tự trừ. Còn hụi sống thì đến nhà kêu trả tiền hụi. Số tiền của nguyên đơn Ph đã đóng không đúng là 32.000.000 đồng. Vì có tháng đóng hụi, kêu hụi không đồng đều, có tháng chỉ đóng 1.900.000 đồng, có tháng đóng là 1.250.000 đồng ... Nhưng nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn Q phải trả số tiền vốn đã đóng là 32.000.000 đồng và trừ đi 9.000.000 đồng mà bị đơn đã trả. Hiện tại bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 23.000.000 đồng, bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn.

Nhưng hội này vợ bị đơn không có liên quan, chỉ có mình bị đơn Q liên quan. Bị đơn tự mở hội, tự gom tiền hội của các hội viên và tự đi chung tiền cho hội viên. Ông có nhờ vợ là bị đơn Ng tiện đi thăm nhà mẹ vợ thì gế nhà nguyên đơn Phụng lấy hội dùm, vợ bị đơn Q gom dùm được khoảng 4 lần. Nay nguyên đơn Ph yêu cầu bị đơn Q phải trả số tiền vốn còn lại là 23.000.000 đồng, ông đồng ý trả nhưng mỗi tháng trả 500.000 đồng và sẽ đưa dần cho đến khi hết số tiền hội đã nợ. Trong thời gian ông trả nợ, đề nghị nguyên đơn không đục trạm đến gia đình bên vợ của bị đơn.

* Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của nguyên đơn là Lê Thị Ph tại Thông báo thụ lý vụ án số: 05/TB-TLVA, ngày 25 tháng 01 năm 2022 và đã tổng đạt hợp lệ cho bà Chung Thảo Ng, cũng như đã triệu tập hợp lệ bà Ng đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần và Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà. Nhưng bà Ng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn Ph và cũng không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà Ng cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 14 tháng 01 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Ph lập ngày 14 tháng 01 năm 2022 cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn Ph nộp trực tiếp. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn Ph và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Quách Kim Q và vợ là bị đơn Chung Thảo Ng có cùng địa chỉ thường trú tại ấp A1, xã HDK, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Lê Thị Ph yêu cầu bị đơn Quách Kim Q và vợ là bị đơn

Chung Thảo Ng phải có trách nhiệm liên đơn trả số tiền vốn (tiền hội đã đóng trước đó) còn nợ lại là 23.000.000 đồng theo Danh sách hội 3 triệu khui ngày 20 tháng 02 năm 2020 (âm lịch) và tờ giấy có nội dung cam kết: Tôi tên Quách Kim Q có thiếu Lê Thị Ph 32.000.000 đồng tôi trả hàng tháng 10.000.000 đồng vào ngày 20 hàng tháng ... Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự, quan hệ pháp luật để giải quyết là tranh chấp hợp đồng góp hội theo Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[4] Về sự tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Chung Thảo Ng vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị Ph yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn Ng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Ng.

* Về nội dung vụ án:

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Lê Thị Ph yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc bị đơn là ông Quách Kim Q và vợ là bà Chung Thảo Ng phải có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền vốn mà nguyên đơn đã bỏ ra để tham gia dây hội do vợ chồng bị đơn đã mở vào ngày 20 tháng 02 năm 2020 (âm lịch) với số tiền vốn còn nợ lại là 23.000.000 đồng theo Biên bản hòa giải ở cơ sở vào ngày 30 tháng 12 năm 2021 và tờ giấy có tên và chữ viết của bị đơn Q có nội dung chính, bị đơn đã cam kết trả số tiền 32.000.000 đồng cho nguyên đơn vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 20/7 đến ngày 20/9 đây là tình tiết, sự kiện do nguyên đơn Ph cung cấp; và tại Biên bản hòa giải ngày 23 tháng 3 năm 2022 cũng như tại phiên tòa bị đơn Q cũng thừa nhận hiện tại còn nợ nguyên đơn Ph 23.000.000 đồng nhưng xin trả chậm; sự không phản đối của bị đơn Chung Thảo Ng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy, việc bị đơn Q và bị đơn Ng còn nợ lại tiền vốn 23.000.000 đồng của nguyên đơn Ph là có thật.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Ph thì thấy rằng: Việc nguyên đơn có tham gia dây hội mở ngày 20 tháng 02 năm 2020 (âm lịch) hội 3.000.000 đồng, hội kêu, có 21 hội viên tham gia và 31 phần do các bị đơn mở và làm chủ hội (đầu thảo) là có xảy ra trên thực tế, thể hiện tại Biên bản hòa giải ở cơ sở vào ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại ấp A1, xã HĐK, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và tại tờ giấy có tên Quách Kim Q có hứa là tháng 7 năm 2021 (âm lịch) sẽ trả 10.000.000 đồng, tháng 8 năm 2021 (âm lịch) trả 10.000.000 đồng và tháng 9 năm 2021 (âm lịch) trả 12.000.000 đồng. Tuy

nhiên, từ khi viết giấy cam kết nêu trên các bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn được 9.000.000 đồng và kể từ đó đến nay các bị đơn vẫn chưa trả số tiền còn nợ lại là 23.000.000 đồng, nội dung của các Biên bản hòa giải nêu trên phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như đã phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ph, buộc bị đơn Quách Kim Q và vợ là bị đơn Chung Thảo Ng phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn còn lại là 23.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Xét lời trình bày của bị đơn Quách Kim Q Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa ông Q thừa nhận hiện tại còn nợ tiền hui của bà Ph là 23.000.000 đồng, ông Q xin trả chậm số tiền nêu trên mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền còn nợ của nguyên đơn. Việc mở hui, gom tiền hui của nguyên đơn không liên quan đến vợ của bị đơn là bị đơn Ng. Hội đồng xét xử xét thấy, về trách nhiệm của ông Q và bà Ng đối với khoản nợ trên, tại phiên tòa ông Q thừa nhận ông là lao động chính, bà Ng làm việc nội trợ, ông và bà Nguyễn kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống ông bà có chung với nhau hai người con chung và hiện đang sống cùng nhà tại ấp A1, xã HĐK, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, bên cạnh đó ông Q còn trình bày trước đó ông cũng đã có mở nhiều dây hui khác nhau, số tiền thu lợi từ việc mở các dây hui thường được ông dùng để làm vốn tham gia các chân hui mới, chi phí trong gia đình. Nhận thấy, Tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng như sau “Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật này” nên việc bà Ph yêu cầu bà Ng có trách nhiệm liên đới với ông Q trả số tiền nợ trên là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa bị đơn Q xin được trả chậm số tiền 23.000.000 đồng cho nguyên đơn Ph mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tại tòa nguyên đơn Ph không đồng ý cho các bị đơn trả chậm mỗi tháng là 500.000 đồng cho nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu này là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Như đã phân tích ở trên đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phụng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Ph không phải chịu; các bị đơn phải chịu 1.150.000 đồng theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 3 Điều 235, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hộ, biên, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị Ph.

1.1. Buộc bị đơn là ông Quách Kim Q và vợ là bà Chung Thảo Ng phải liên đới có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là bà Lê Thị Ph số tiền nợ hộ là 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Quách Kim Q và bị đơn Chung Thảo Ng phải liên đới chịu là 1.150.000 đồng. Nguyên đơn Lê Thị Ph không phải chịu; trả lại cho bà Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 575.000 đồng theo biên lai số 0002985 ngày 14/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho bị đơn.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ

sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Huệ

